

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28



Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều và các giấy phép điều chỉnh sau đó, với mức vốn điều lệ là 300 tỷ đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại số 191, Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Công ty cũng có một chi nhánh tại số 182, Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm / giai đoạn	35.177.608.644	83.309.186
Lợi nhuận để lại cuối năm / giai đoạn	31.734.826.048	74.978.268

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Khắc Hiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009
Ông Đinh Quang Nương	Chủ tịch	Miễn nhiệm vào ngày 23 tháng 3 năm 2009
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2007
Ông Phạm Bách	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 09 năm 2009
Ông Phạm Khắc Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2007
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009
Bà Trần Hoài An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2009

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT- BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Lê Khắc Hiệp
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2010

Số tham chiếu: 60765367/14096998

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ("các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 4 đến trang 28. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT- BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Đình Cường

Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV

Bùi Anh Tuấn

Bùi Anh Tuấn
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: N.1067/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		365.718.042.553	336.183.338.394
110	I. Tiền	IV.1	120.599.077.089	66.829.470.153
111	1. Tiền		120.599.077.089	66.829.470.153
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	IV.2	198.073.253.249	193.731.100.839
121	1. Đầu tư ngắn hạn		200.155.378.856	198.127.314.589
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.082.125.607)	(4.396.213.750)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	IV.3	46.619.667.668	72.883.683.343
131	1. Phải thu của khách hàng		31.737.993.067	1.432.203.900
132	2. Trả trước cho người bán		-	1.049.850.313
133	3. Phải thu các bên liên quan		13.328.499.244	37.543.125.409
138	4. Các khoản phải thu khác		1.553.175.357	32.858.503.721
140	IV. Hàng tồn kho	IV.4	65.660.360	573.476.367
141	1. Hàng tồn kho		468.906.442	573.476.367
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(403.246.082)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		360.384.187	2.165.607.692
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		357.384.187	415.829.025
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	1.437.778.667
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		3.000.000	312.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		105.039.952.303	23.505.145.557
220	I. Tài sản cố định		13.304.986.839	18.164.692.614
221	1. Tài sản cố định hữu hình	IV.5	8.376.150.304	12.724.304.513
222	Nguyên giá		14.192.193.904	15.857.464.824
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.816.043.600)	(3.133.160.311)
227	2. Tài sản cố định vô hình	IV.6	4.928.836.535	5.440.388.101
228	Nguyên giá		5.920.584.978	5.771.609.492
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(991.748.443)	(331.221.391)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn		87.500.000.000	-
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		87.500.000.000	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.234.965.464	5.340.452.943
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	IV.7	3.519.677.400	5.215.452.943
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	IV.8	710.288.064	120.000.000
268	3. Tài sản dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		470.757.994.856	359.688.483.951

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		135.497.077.026	59.605.174.765
310	I. Nợ ngắn hạn		135.351.452.485	59.440.037.014
312	1. Phải trả nhà cung cấp		363.552.337	2.170.038.807
313	2. Người mua trả tiền trước		632.539.205	32.000.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	IV.16	7.257.488.635	1.225.174.925
315	4. Phải trả người lao động		4.008.204	24.600.842
316	5. Chi phí phải trả	IV.9	1.165.744.471	205.421.700
317	6. Phải trả các bên liên quan	IV.17	1.808.110.847	795.550.783
321	7. Phải trả hộ cổ tức cho nhà đầu tư		417.839.500	408.522.400
322	8. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		4.198.889.900	-
328	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	IV.10	119.503.279.386	54.578.727.557
330	II. Nợ dài hạn		145.624.541	165.137.751
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		145.624.541	165.137.751
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		335.260.917.830	300.083.309.186
410	I. Vốn chủ sở hữu	IV.11	335.260.917.830	300.083.309.186
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
417	2. Vốn bổ sung từ lợi nhuận		1.763.045.891	4.165.459
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		1.763.045.891	4.165.459
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.734.826.048	74.978.268
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		470.757.994.856	359.688.483.951

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
006	6. Chứng khoán lưu ký	80.628.493.000	895.690.890.000
	<i>Trong đó</i>		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	73.689.855.000	895.256.730.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	188.105.000	-
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	71.024.986.000	738.353.970.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	2.476.764.000	156.902.760.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	58.638.000	374.160.000
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	58.638.000	374.160.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	6.880.000.000	60.000.000
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	6.880.000.000	60.000.000
	Tổng cộng tài khoản ngoài bảng	80.628.493.000	895.690.890.000



Dương Quang Trung
Kế toán trưởng



Bạch Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008
1	1. Doanh thu	IV.12	89.728.743.445	54.584.092.813
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		20.440.621.205	6.250.786.908
1.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		38.497.314.400	5.897.009.232
1.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		4.000.000	-
1.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		924.545.455	-
1.9	- Doanh thu khác		29.862.262.385	42.436.296.673
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		89.728.743.445	54.584.092.813
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	IV.13	(20.964.071.913)	(14.716.668.787)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		68.764.671.532	39.867.424.026
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	IV.14	(25.189.985.704)	(39.846.963.924)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.574.685.828	20.460.102
31	8. Thu nhập khác	IV.15	3.488.322.251	708.242.862
32	9. Chi phí khác	IV.15	(4.138.386.380)	(560.124.266)
40	10. (Lỗ) Lợi nhuận khác		(650.064.129)	148.118.596
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.924.621.699	168.578.698
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	IV.16	(7.747.013.055)	(85.269.512)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		35.177.608.644	83.309.186
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	IV.18		
	<i>Lãi cơ bản</i>		1.173	2,78
	<i>Lãi suy giảm</i>		1.173	2,78



Dương Quang Trung
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2010




Bạch Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. Lợi nhuận trước thuế		42.924.621.699	168.578.698
2	2. Điều chỉnh cho các khoản Khấu hao và khấu trừ	IV.5, IV.6	4.427.937.320	3.523.970.671
3	Các khoản dự phòng		(1.910.842.061)	4.396.213.750
4	Lãi từ hoạt động đầu tư		(68.359.576.785)	(42.570.705.673)
5	Lỗ từ thanh lý tài sản cố định		653.526.364	37.105.528
8	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(22.264.333.463)	(34.444.837.026)
9	Giảm (tăng) các khoản phải thu		38.575.179.554	(54.695.342.463)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		104.569.925	(573.476.367)
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.881.340.242	4.004.230.704
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.023.734.739	(5.631.281.968)
14	Tiền chi nộp thuế TNDN		-	826.597.847
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		309.000.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.376.981.060)	(7.564.314.589)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		18.252.509.937	(98.078.423.862)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.058.403.827)	(20.465.413.694)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4.260.886.037	18.015.000
23	Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(62.500.000.000)	(191.000.000.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.000.000.000	-
25	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.551.065.824	23.235.372.340
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(30.746.451.966)	(188.212.026.353)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	300.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	300.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm / kỳ		(12.493.942.029)	13.709.549.784
60	Tiền đầu năm / kỳ		13.709.549.784	-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối năm / kỳ	IV.1	1.215.607.755	13.709.549.784



Dương Quang Trung
Kế toán trưởng



Bạch Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều và các giấy phép điều chỉnh sau đó, với mức vốn điều lệ là 300 tỷ đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại số 191, Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Công ty cũng có một chi nhánh tại số 182, Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 107 người).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong giai đoạn lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Khắc Hiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009
Ông Đinh Quang Nương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 08 năm 2007
Ông Phạm Bách	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 09 năm 2009
Ông Phạm Khắc Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 08 năm 2007
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009
Bà Trần Hoài An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2009

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong giai đoạn báo cáo này như sau:

Ông Bạch Nguyễn Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2009
Ông Đinh Quang Nương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2008
Ông Dương Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2010

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong giai đoạn báo cáo này như sau:

Ông Đinh Ngọc Lân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2009
Bà Đoàn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với:

- ▶ Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:
 - Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
 - Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
 - Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
 - Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).
- ▶ Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các chuẩn mực và hướng dẫn đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư 210/2009/TT- BTC hướng dẫn về áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính.

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT- BTC hướng dẫn cách áp dụng các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày và thuyết minh công cụ tài chính. Việc áp dụng thông tư này đòi hỏi phải có thêm các thuyết minh và ảnh hưởng đến trình bày các công cụ tài chính cụ thể của công ty trên các báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 hoặc sau đó. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá tác động của việc áp dụng thông tư này trong các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

3. *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

4. *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Cho mục đích lập và trình bày các báo cáo tài chính, khoản tiền gửi của nhà đầu tư vào các tài khoản ngân hàng của Công ty cho mục đích kinh doanh chứng khoán được trình bày trên khoản mục tiền trên bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, các khoản tiền gửi của nhà đầu tư này không nằm trong số dư tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vô hình vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

5. *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	4 – 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Phần mềm máy tính	8 – 15 năm

6. *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

7. *Các khoản đầu tư tài chính*

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư vào chứng khoán được phản ánh theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức phát sinh trước ngày mua được ghi nhận giảm giá khoản đầu tư chứng khoán, các khoản cổ tức và trái tức phát sinh sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu từ hoạt động đầu tư trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("VAS 10") được Công ty áp dụng trong các năm tài chính trước liên quan tới việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá .

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá được áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

9. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được hướng dẫn tại VAS10 khác với hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC ("Thông tư 201") do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 như sau:

<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Xử lý kế toán theo VAS 10</i>	<i>Xử lý kế toán theo Thông tư 201</i>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ là tài sản và nợ phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào năm (5) năm tiếp theo. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là không đáng kể.

10. Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hằng năm với mức bằng 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn điều lệ đã góp theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động cho công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập nhằm bảo toàn hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thua lỗ trong kinh doanh hoặc dự phòng cho lỗ hoặc tổn thất do các nguyên nhân khách quan.

11. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập hằng năm với mức bằng 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 100% vốn điều lệ đã góp theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động cho công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ đã góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ dự phòng cho dịch vụ môi giới chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính, dịch vụ bảo lãnh và ký quỹ chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

13. Giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa kỳ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

15. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền ký quỹ để giao dịch chứng khoán. Các khoản tiền này được gửi tại tài khoản ngân hàng do Công ty mở.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

IV.1 Tiền

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	43.593.295	135.409.021
Tiền gửi ngân hàng	120.555.483.794	66.694.061.132
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<u>119.383.469.334</u>	<u>53.119.920.369</u>
	<u>120.599.077.089</u>	<u>66.829.470.153</u>

IV.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	8.958.378.856	1.745.314.589
Cổ phiếu chưa niêm yết	197.000.000	5.382.000.000
Đầu tư tài chính khác	<u>191.000.000.000</u>	<u>191.000.000.000</u>
	200.155.378.856	198.127.314.589
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>(2.082.125.607)</u>	<u>(4.396.213.750)</u>
	<u>198.073.253.249</u>	<u>193.731.100.839</u>

Các khoản đầu tư tài chính khác bao gồm các khoản ủy thác đầu tư cho ba cổ đông của công ty mẹ. Các khoản ủy thác đầu tư này sẽ đáo hạn vào ngày 16 tháng 3 năm 2010 và có mức lãi suất cố định là 11%/năm.

IV.3 Các khoản phải thu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Phải thu khách hàng	31.737.993.067	1.432.203.900
Trả trước cho người bán	-	1.049.850.313
Phải thu các bên liên quan	13.328.499.244	37.543.125.409
Phải thu khác	1.553.175.357	32.858.503.721
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	255.350.538	-
<i>Phải thu các khoản chi hộ cho một số cá nhân liên quan đến dự án thành lập Công ty Tài chính Vincom, Công ty Quản lý quỹ Vincom, Công ty Bảo hiểm Vincom</i>	-	29.936.448.695
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp trả thừa</i>	-	741.328.335
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<u>1.297.824.819</u>	<u>2.180.726.691</u>
	<u>46.619.667.668</u>	<u>72.883.683.343</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.4 Hàng tồn kho

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Thẻ mã hóa	468.906.442	573.476.367
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(403.246.082)	-
	65.660.360	573.476.367

IV.5 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Máy móc, thiết bị</i> VNĐ	<i>Phương tiện vận tải</i> VNĐ	<i>Thiết bị văn phòng</i> VNĐ	<i>Tài sản cố định khác</i> VNĐ	<i>Tổng cộng</i> VNĐ
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	7.021.696.357	529.169.500	6.509.784.581	1.796.814.386	15.857.464.824
Tăng trong năm	785.971.025	-	1.123.457.316	-	1.909.428.341
Thanh lý, nhượng bán	(611.540.526)	(529.169.500)	(2.154.925.909)	(279.063.326)	(3.574.699.261)
Số dư cuối năm	<u>7.196.126.856</u>	<u>-</u>	<u>5.478.315.988</u>	<u>1.517.751.060</u>	<u>14.192.193.904</u>
Giá trị hao mòn:					
Số dư đầu năm	(1.509.265.590)	(22.048.729)	(1.283.693.352)	(318.152.640)	(3.133.160.311)
Tăng trong năm	(1.761.739.487)	(44.106.276)	(1.587.478.132)	(374.086.373)	(3.767.410.268)
Thanh lý, nhượng bán	224.567.034	66.155.005	713.802.912	80.002.028	1.084.526.979
Số dư cuối năm	<u>(3.046.438.043)</u>	<u>-</u>	<u>(2.157.368.572)</u>	<u>(612.236.985)</u>	<u>(5.816.043.600)</u>
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	<u>5.512.430.767</u>	<u>507.120.771</u>	<u>5.226.091.229</u>	<u>1.478.661.746</u>	<u>12.724.304.513</u>
Số dư cuối năm	<u>4.149.688.813</u>	<u>-</u>	<u>3.320.947.416</u>	<u>905.514.075</u>	<u>8.376.150.304</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.6 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm máy tính VNĐ</i>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	5.771.609.492
Mua trong năm	148.975.486
Thanh lý, nhượng bán	-
Số dư cuối năm	<u>5.920.584.978</u>
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	(331.221.391)
Hao mòn trong năm	(660.527.052)
Thanh lý, nhượng bán	-
Số dư cuối năm	<u>(991.748.443)</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	<u>5.440.388.101</u>
Số dư cuối năm	<u>4.928.836.535</u>

IV.7 Chi phí trả trước dài hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	629.698.851	1.678.387.320
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.666.210.512	2.877.913.299
Chi phí trả trước dài hạn khác	223.768.037	659.152.324
	<u>3.519.677.400</u>	<u>5.215.452.943</u>

IV.8 Quỹ hỗ trợ thanh toán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>
Số dư đầu kỳ	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	583.885.474	-
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	6.402.590	-
Số dư cuối kỳ	<u>710.288.064</u>	<u>120.000.000</u>

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính. Công ty phải ký quỹ một khoản tiền tương đương với khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng trong năm đầu tiên và hàng năm phải đóng thêm một khoản tiền tương đương với 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.9 Chi phí phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Trích trước chi phí thường định kỳ	334.000.000	-
Chi phí môi giới giao dịch chứng khoán	431.069.371	-
Các khoản khác	400.675.100	205.421.700
	1.165.744.471	205.421.700

IV.10 Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Kinh phí công đoàn	12.269.703	46.030.415
Bảo hiểm xã hội phải nộp	-	(241.144.938)
Bảo hiểm y tế phải nộp	-	203.510.049
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	119.383.469.334	53.119.920.369
Các khoản phải trả phải nộp khác	107.540.349	1.450.411.662
	119.503.279.386	54.578.727.557

IV.11 Vốn chủ sở hữu

IV.11.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tăng vốn	300.000.000.000	4.165.459	4.165.459	-	300.008.330.918
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	83.309.186	83.309.186
Phân bổ các quỹ	-	4.165.459	4.165.459	(8.330.918)	-
Số dư cuối kỳ	<u>300.000.000.000</u>	<u>4.165.459</u>	<u>4.165.459</u>	<u>74.978.268</u>	<u>300.083.309.186</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009					
Số dư đầu năm	300.000.000.000	4.165.459	4.165.459	74.978.268	300.083.309.186
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	35.177.608.644	35.177.608.644
Phân bổ các quỹ	-	1.758.880.432	1.758.880.432	(3.517.760.864)	-
Số dư cuối năm	<u>300.000.000.000</u>	<u>1.763.045.891</u>	<u>1.763.045.891</u>	<u>31.734.826.048</u>	<u>335.260.917.830</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.11 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

IV.11.2 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

Tên cổ đông	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Số cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số cổ phiếu phát hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Số cổ phiếu hiện hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng Việt Nam

Tháng 6 năm 2009, Công ty Cổ phần Vincom đã thực hiện mua thêm 5% cổ phần của Công ty từ Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, đưa tổng tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Vincom lên 75%.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

IV.11.3 Các quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Quỹ dự phòng	3.526.091.782	8.330.918
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.763.045.891	4.165.459
Quỹ dự phòng tài chính	1.763.045.891	4.165.459
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
	3.526.091.782	8.330.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.12 *Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán*

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	89.728.743.445	54.584.092.813
Môi giới chứng khoán	20.440.621.205	6.250.786.908
Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	38.497.314.400	5.897.009.232
- Cổ tức, lợi nhuận, lãi trái phiếu	-	-
- Chênh lệch lãi bán khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn	38.497.314.400	5.897.009.232
Bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán	4.000.000	-
Hoạt động tư vấn	924.545.455	-
- Tư vấn tài chính	924.545.455	-
Doanh thu khác	29.862.262.385	42.436.296.673
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	89.728.743.445	54.584.092.813

IV.13 *Chi phí hoạt động kinh doanh*

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.924.460.749	1.850.643.411
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	11.374.533.843	7.625.092.583
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	752.814.817	123.495.964
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	236.958.548	-
Chi phí tư vấn cho nhà đầu tư	119.846.855	-
(Giảm trừ) chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	(2.314.091.593)	4.396.213.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.437.529.634	-
Chi phí lương nhân viên trực tiếp	2.526.606.313	671.468.201
Chi phí khác	2.905.412.747	49.754.878
Chi phí hoạt động kinh doanh	20.964.071.913	14.716.668.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>
Chi phí nhân viên quản lý	9.094.012.324	14.973.841.869
Chi phí vật liệu quản lý	1.892.424.147	5.812.375.347
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.046.891.118	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.934.678.891	3.885.217.815
Thuế, phí và lệ phí	875.119.004	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.348.254.400	12.372.660.756
Chi phí bằng tiền khác	998.605.820	2.802.868.137
	25.189.985.704	39.846.963.924

IV.15 Thu nhập chi phí khác

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>
Thu nhập khác	3.488.322.251	708.242.862
Thu thanh lý tài sản	3.481.711.926	498.732.411
Thu nhập khác	6.610.325	209.510.451
Chi phí khác	(4.138.386.380)	(560.124.266)
Chi phí thanh lý tài sản	(4.135.238.290)	(498.732.422)
Chi phí khác	(3.148.090)	(61.391.844)
Lợi nhuận khác	(650.064.129)	148.118.596

IV.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	226.531.224	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.005.684.720	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.054.509	1.225.174.925
Thuế khác	218.182	-
	7.257.488.635	1.225.174.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Bảng đối chiếu giữa lợi nhuận tính thuế và lợi nhuận kế toán trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.924.621.699	168.578.698
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán	1.344.024.328	135.955.274
- Chi phí không hợp lý khác	1.344.024.328	270.364.274
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(134.409.000)
Lợi nhuận tính thuế ước tính	44.268.646.027	304.533.972
Thuế suất thuế TNDN	25%	28%
Thuế TNDN hiện hành ước tính	11.067.161.507	85.269.512
Giảm trừ 30% thuế TNDN áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ	(3.320.148.452)	-
Chi phí thuế TNDN trong năm / kỳ	7.747.013.055	85.269.512
Thuế TNDN trả trước đầu năm / kỳ	(741.328.335)	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm / kỳ	-	826.597.847
Thuế TNDN phải nộp (trả trước) cuối năm / kỳ	7.005.684.720	(741.328.335)

(*) Theo thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN, các doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty đáp ứng các điều kiện là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, vì vậy, được miễn giảm thuế TNDN theo Thông tư 03.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.17 Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền VNĐ</i>
Công ty Cổ phần Vincom ("Vincom")	Công ty mẹ	Mua 3 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần PFV cho mục đích tự doanh	60.000.000.000
		Phải thu chi phí trả hộ cho Vincom	1.503.659.371
		Thu do thanh lý tài sản cố định	14.821.476.772
		Tư vấn phát hành trái phiếu	500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Vinpearlland	Cùng chủ sở hữu	Thu do thanh lý tài sản cố định	1.883.050.224
Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Xây dựng Vincom	Cùng Tập đoàn	Thu do thanh lý tài sản cố định	271.587.903
Phạm Nhật Vượng	Cổ đông	Lãi từ ủy thác đầu tư Lãi thu được	2.651.388.889 (7.490.972.223)
Hoàng Quốc Thủy	Cổ đông công ty mẹ	Lãi từ ủy thác đầu tư Lãi thu được	5.691.666.667 (1.781.833.334)
Phạm Hồng Linh	Cổ đông công ty mẹ	Lãi từ ủy thác đầu tư Lãi thu được	(4.667.166.665) (9.355.666.665)
Phan Thu Hương	Cổ đông công ty mẹ	Lãi từ ủy thác đầu tư Lãi thu được	8.731.944.444 (13.571.527.778)
Nguyễn Hải Hùng	Cổ đông công ty mẹ	Bán cổ phần của Công ty cổ phần PFV	36.000.000.000
Lưu Chí Hiếu	Cổ đông công ty mẹ	Bán cổ phần của Công ty cổ phần PFV	54.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.17 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu</i> VNĐ	<i>Phải trả</i> VNĐ
Công ty Cổ phần Vincom ("Vincom")	Công ty mẹ	Phải thu chi phí trả hộ cho Vincom	1.955.114.0322	-
		Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư	500.000.000	-
		Phải trả khác	-	(1.808.110.847)
Công ty Cổ phần Du lịch Vinpearlland	Cùng chủ sở hữu	Thu do thanh lý tài sản cố định	1.995.885.214	-
Hoàng Quốc Thủy	Cổ đông công ty mẹ	Ủy thác và lãi ủy thác đầu tư	58.749.416.665	-
Phạm Hồng Linh	Cổ đông công ty mẹ	Ủy thác và lãi ủy thác đầu tư	41.128.083.333	-
Phan Thu Hương	Cổ đông công ty mẹ	Ủy thác và lãi ủy thác đầu tư	100.000.000.000	-
			204.328.499.244	(1.808.110.847)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> VNĐ	<i>Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> VNĐ
Lương và thưởng	939.318.633	1.213.545.444
Các phúc lợi khác	-	-
	939.318.633	1.213.545.444

IV.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên một cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính tính cho cổ đông năm giữ chia cho số cổ phiếu bình quân trong năm theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.18 *Lãi cơ bản trên cổ phiếu* (tiếp theo)

Chi tiết thu nhập và số cổ phiếu bình quân dùng để tính thu nhập trên mỗi cổ phiếu như sau:

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.177.608.644	83.309.186
Lợi tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	35.177.608.644	83.309.186
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.000.000	30.000.000
Ảnh hưởng suy giảm		
<i>Quyền mua cổ phiếu</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi</i>	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	30.000.000	30.000.000

Không có giao dịch nào có ảnh hưởng suy giảm lãi trên cổ phiếu trong các kỳ báo cáo.

IV.19 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty thuê trụ sở chính tại 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội và chi nhánh tại 182 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có khoản cam kết chi trả theo các hợp đồng thuê hoạt động này như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VNĐ</i>
Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động:		
Trong vòng 1 năm	5.303.853.444	5.303.853.444
Từ 2 đến 5 năm	10.157.242.623	15.461.096.067
Trên 5 năm	-	-
	15.461.096.067	20.764.949.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

VI. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng đã được phân loại lại cho phù hợp với yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại.



Dương Quang Trung
Kế toán trưởng



Bạch Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2010